

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2023
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hùng Cường
2. Bà Trần Thị Phiến

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện C.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐST-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị C, sinh năm 1968; trú tại: ấp Tân Hựu, xã Tân Nhuận Đông, huyện C, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1967; trú tại: ấp Tân Hựu, xã Tân Nhuận Đông, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn, bà Trương Thị C trình bày:

Bà và ông S do quen biết nên tiến tới hôn nhân. Hai người chung sống vợ chồng vào năm 1993 và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/3/1993 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nhuận Đông, huyện C, tỉnh ĐồngTháp. Quá trình chung sống đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do ông S có vợ bé nhưng bà vẫn tha thứ và chung sống với ông S. Sau đó, ông S vẫn không thay đổi và đánh đập bà nhiều lần. Do đó từ năm 2020 bà đã ly thân với ông S và đến thời điểm hiện nay ông S vẫn có tình cảm với người phụ nữ khác. Vì vậy, bà không còn tình cảm với ông S. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Nữ, sinh ngày

06/4/1996 và Nguyễn Thanh Dương, sinh ngày 01/01/2000, hiện đã trưởng thành. Tài sản chung tự thỏa thuận. Nợ chung không có.

Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh S; con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; Tài sản chung tự thỏa thuận; Nợ chung không có.

Bị đơn, ông Nguyễn Thanh S: Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C, không đến Tòa án theo thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Trương Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thanh S, đây là vụ án “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Đ, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Nguyễn Thanh S đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Thanh S.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Trương Thị C yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông S chung sống với nhau từ năm 1993 và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/3/1993 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nhuận Đông, huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của bà C và ông S là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân xin ly hôn bà C trình bày do ông S có vợ bé nhưng bà vẫn tha thứ và chung sống với ông S. Sau đó, ông S vẫn không thay đổi và đánh đập bà nhiều lần và đến thời điểm hiện nay ông S vẫn có tình cảm với người phụ nữ khác. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà C đã cung cấp những chứng cứ về việc ông S nhắn tin và chụp ảnh với người phụ nữ khác sống chung như vợ chồng. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông S nhưng ông không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà C. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhằm động viên để bà C và ông S đoàn tụ trở về chung sống nhưng ông S không tham gia. Qua đó, chứng tỏ ông S không có ý định muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà C. Bà C cương quyết xin ly hôn với ông S. Vì vậy, mâu thuẫn giữa bà C và ông S đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn lại với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, việc bà C yêu cầu ly hôn với ông S đã thỏa mãn các điều kiện theo quy định tại

Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Bà C xác định có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Nữ, sinh ngày 06/4/1996 và Nguyễn Thanh Dương, sinh ngày 01/01/2000, hiện đã trưởng thành, bà C không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà C xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị C

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Nữ, sinh ngày 06/4/1996 và Nguyễn Thanh Dương, sinh ngày 01/01/2000, hiện đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí và tạm ứng án phí:

Bà Trương Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên liên thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017313 ngày 16/3/2023 của Chi cục thi hành án huyện C, tỉnh Đ. (đã nộp xong).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Thanh S vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Nhuận Đông;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hoàng